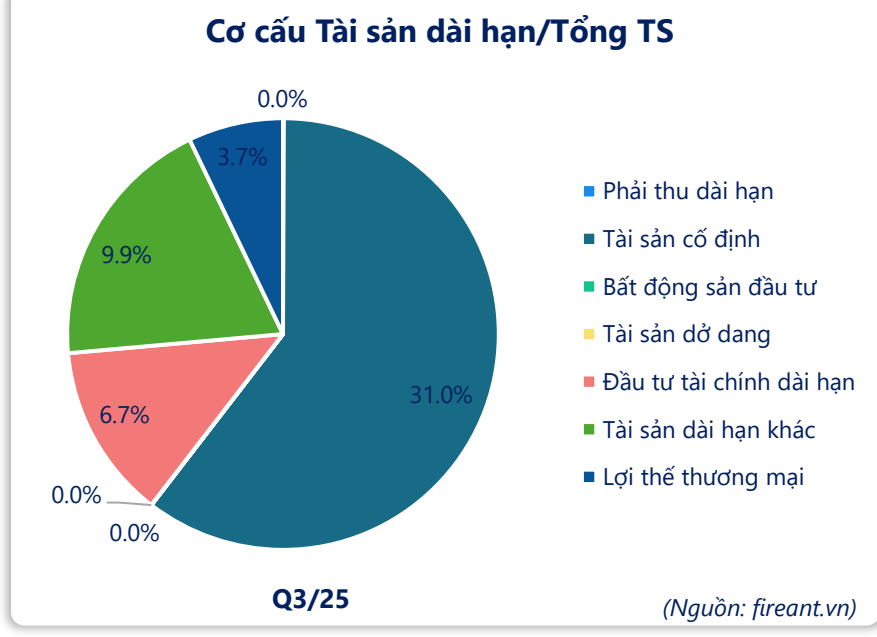
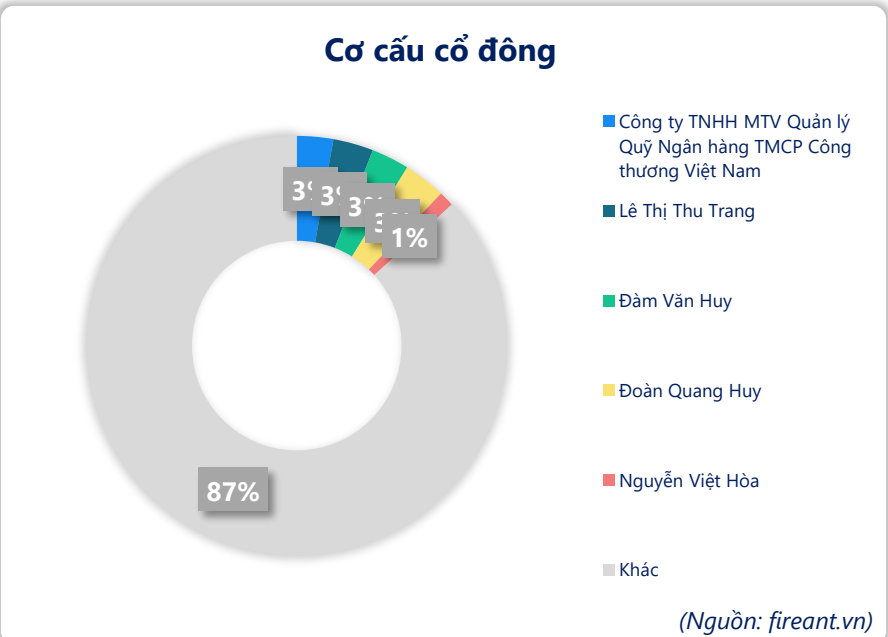
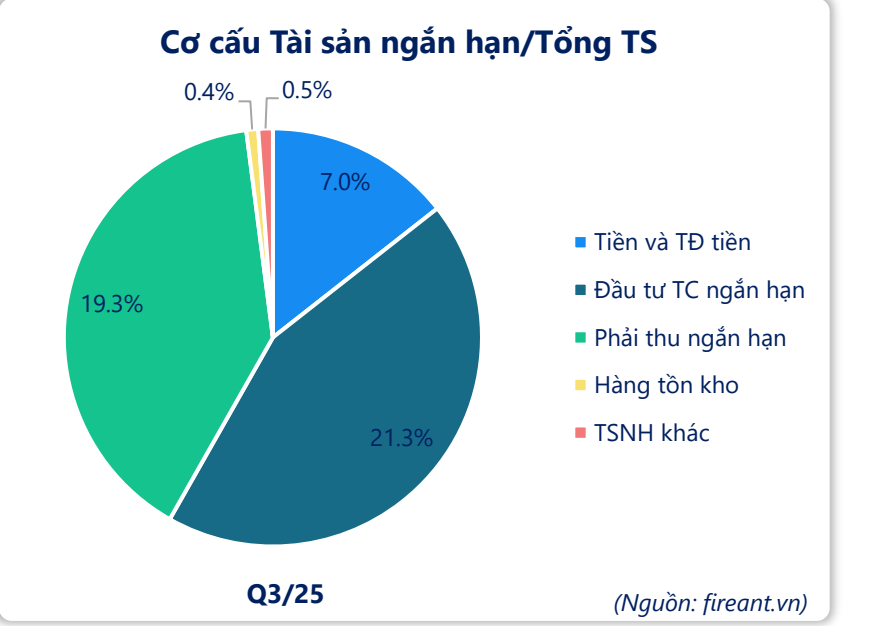
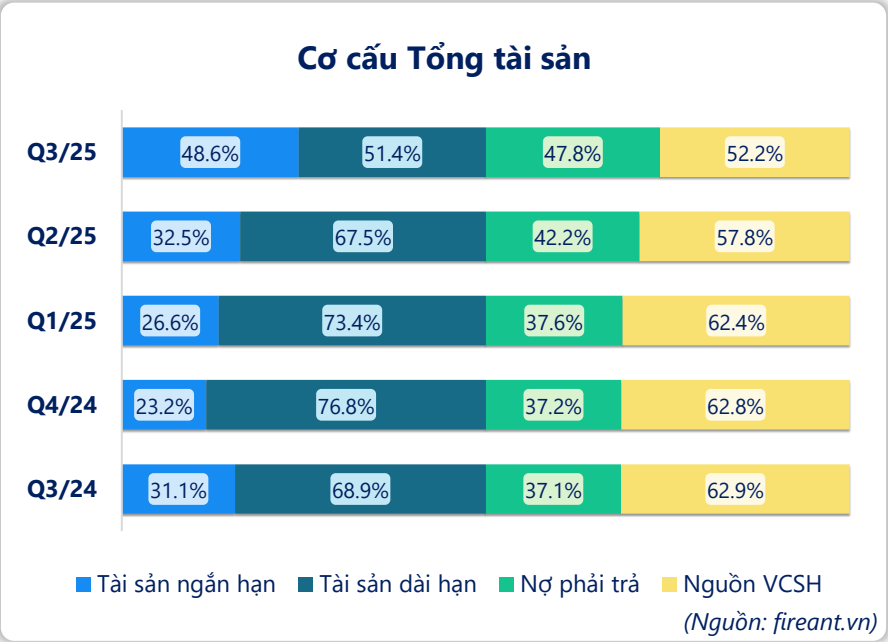
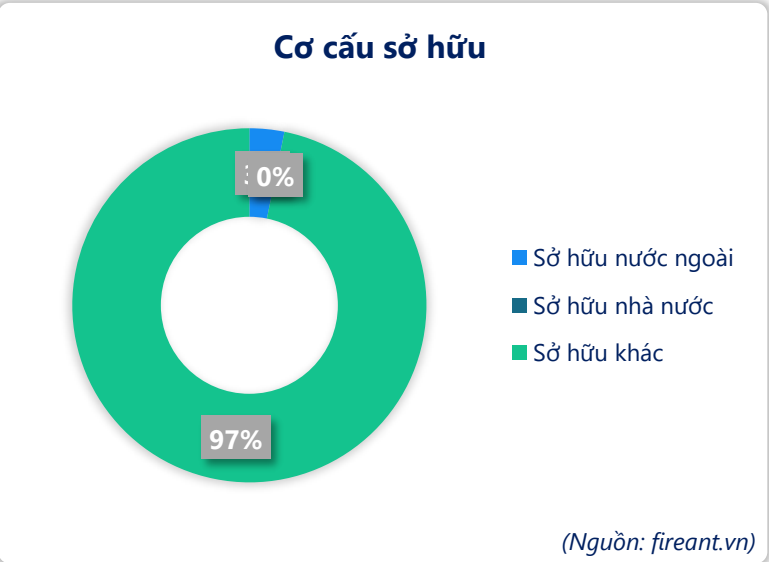
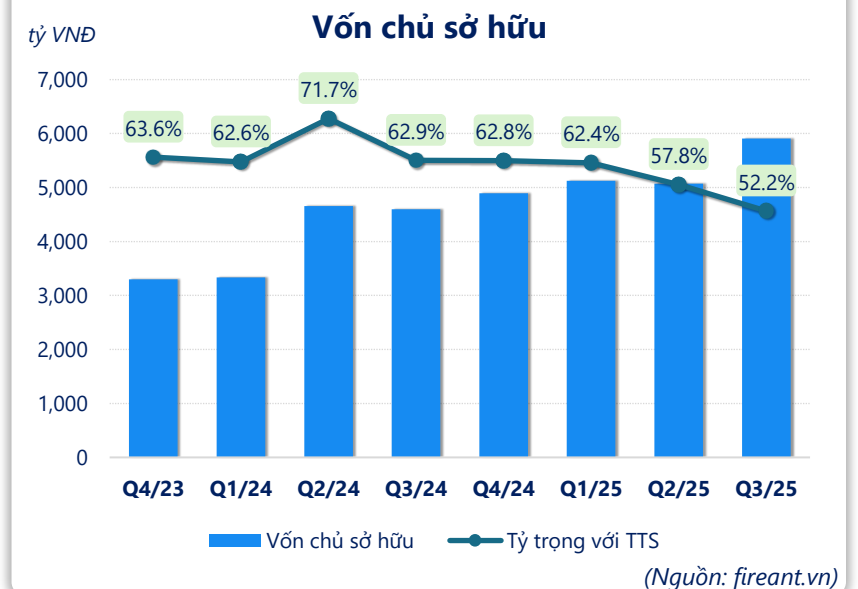
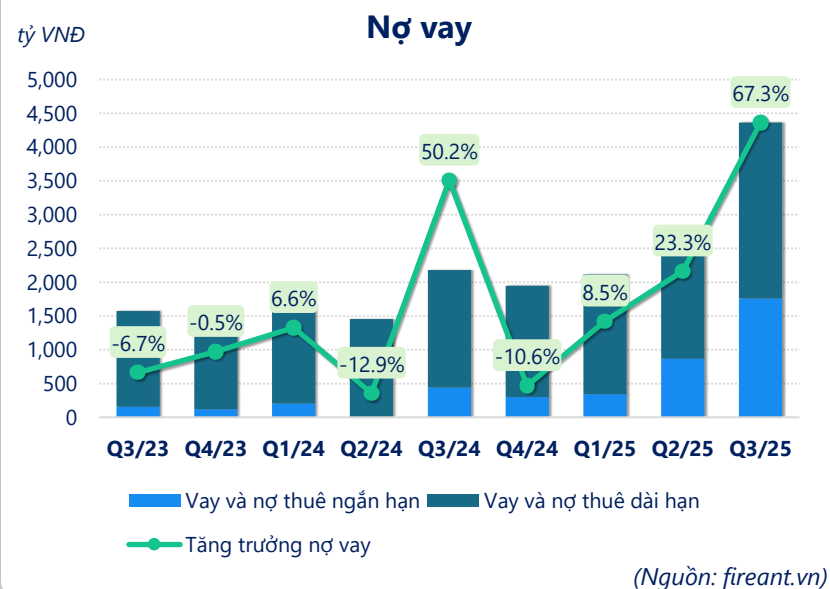
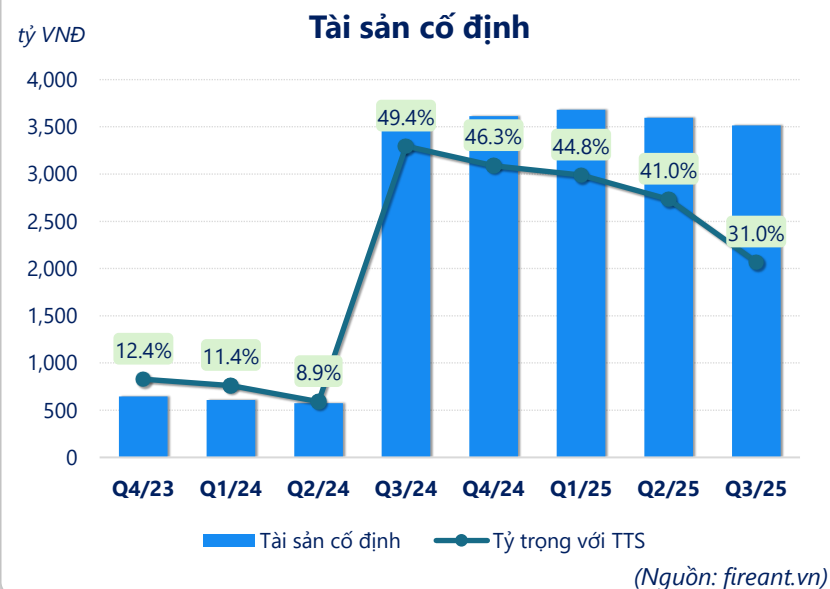
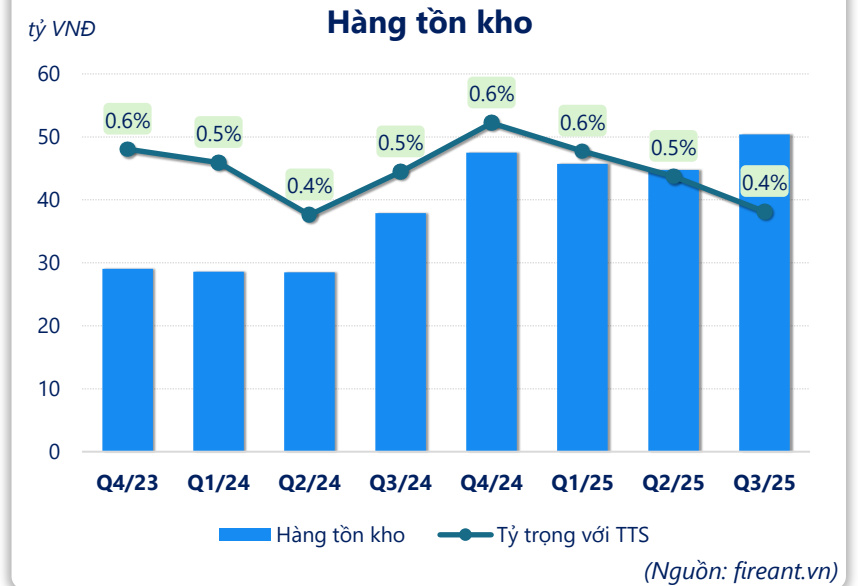
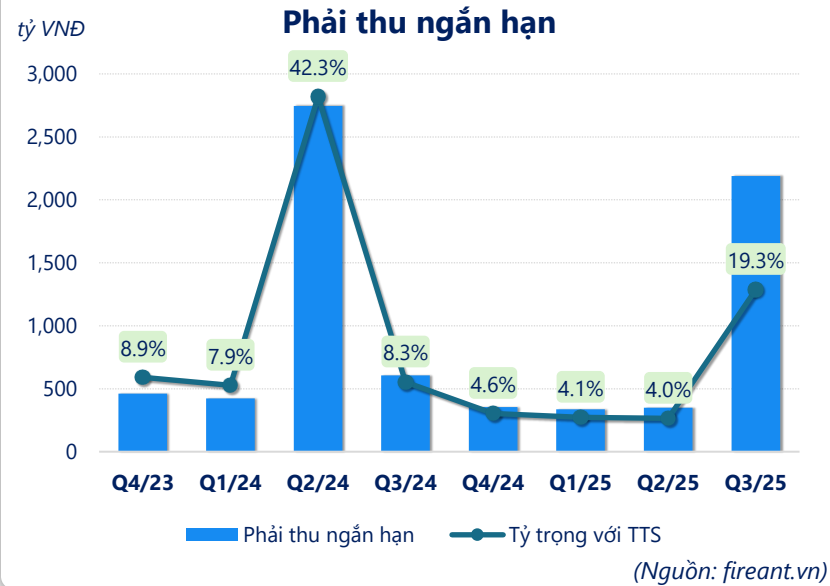
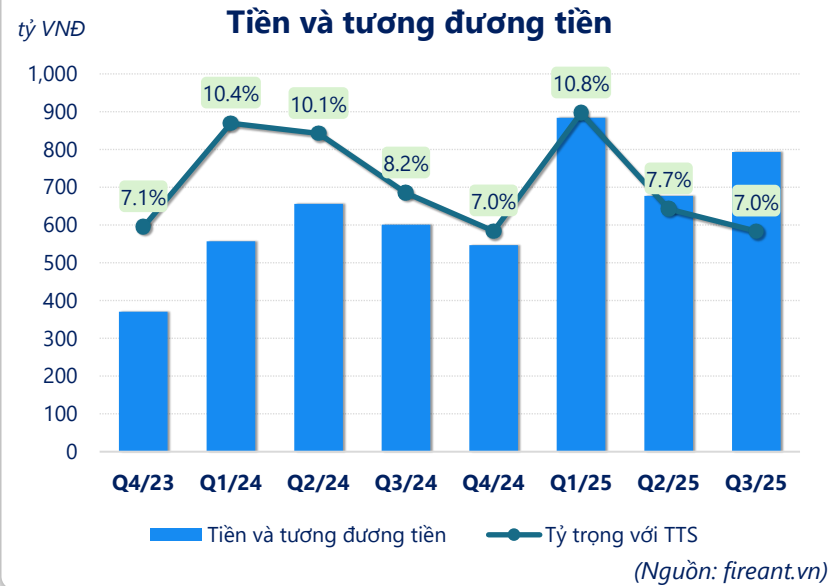
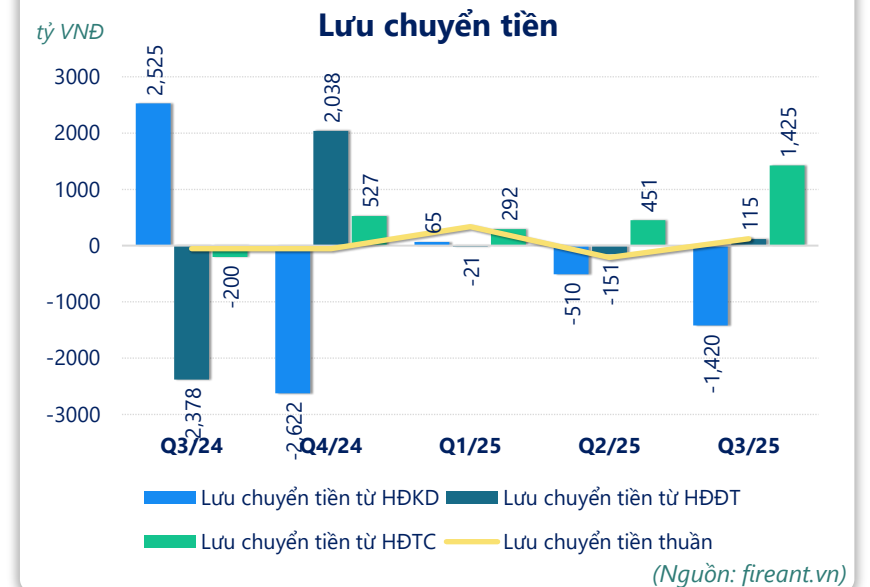
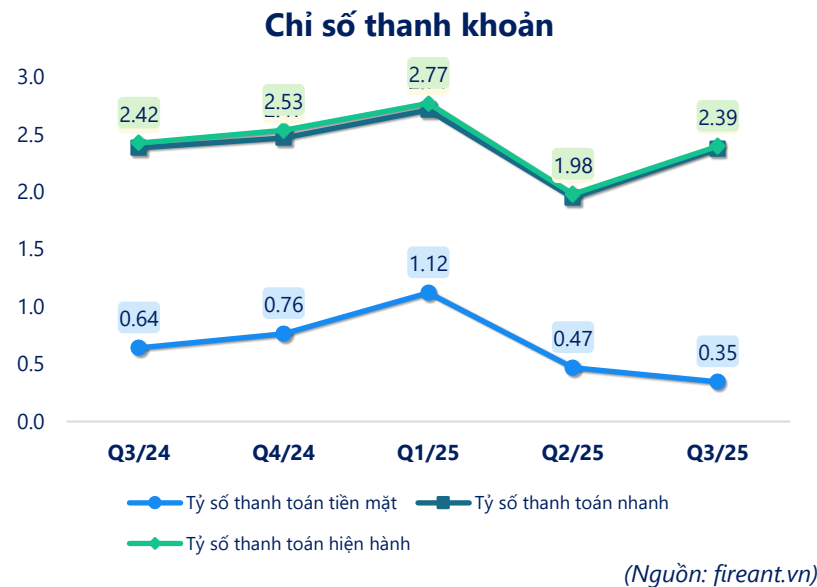
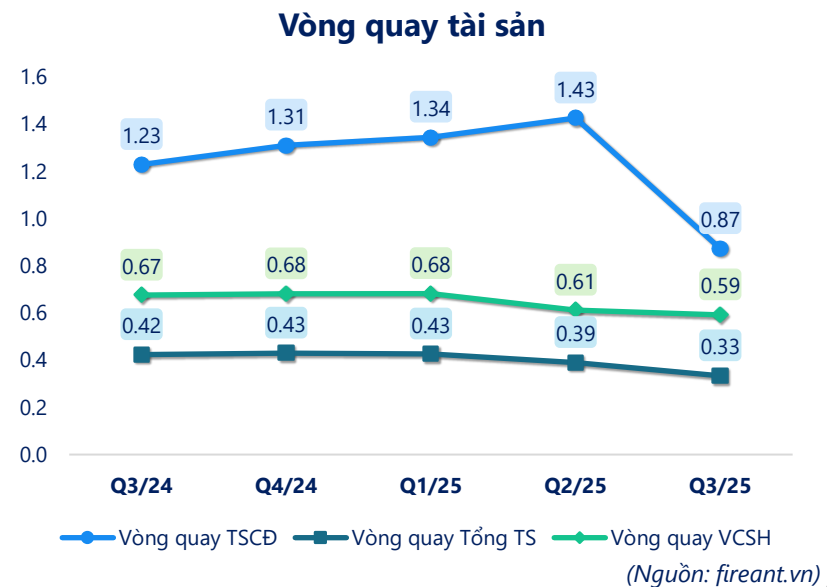
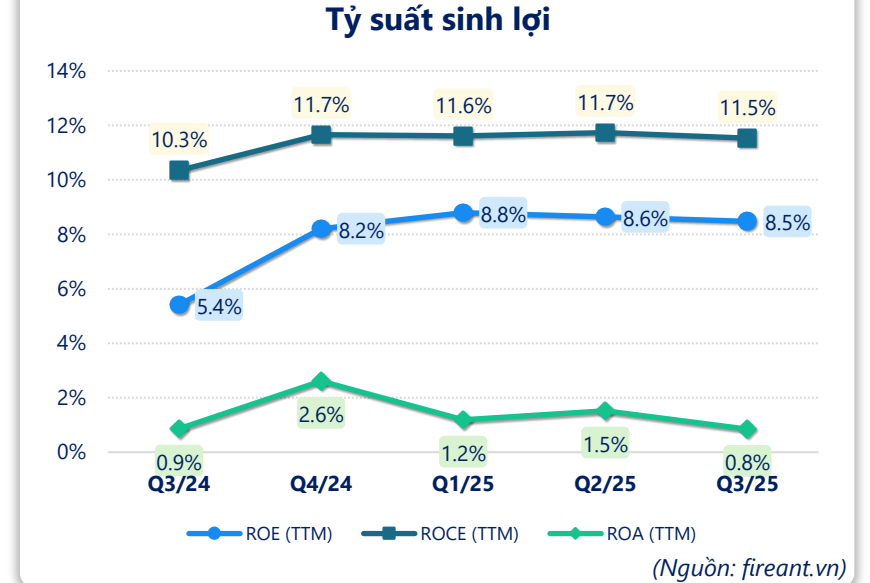
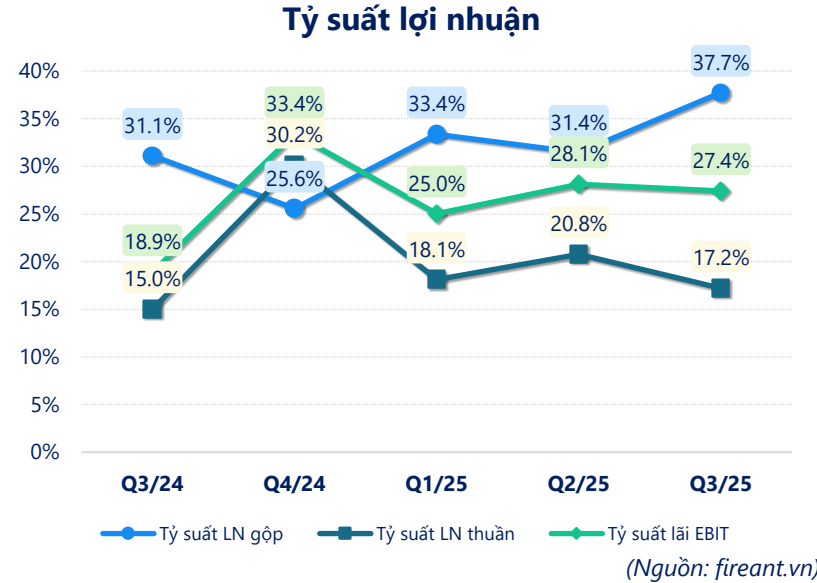
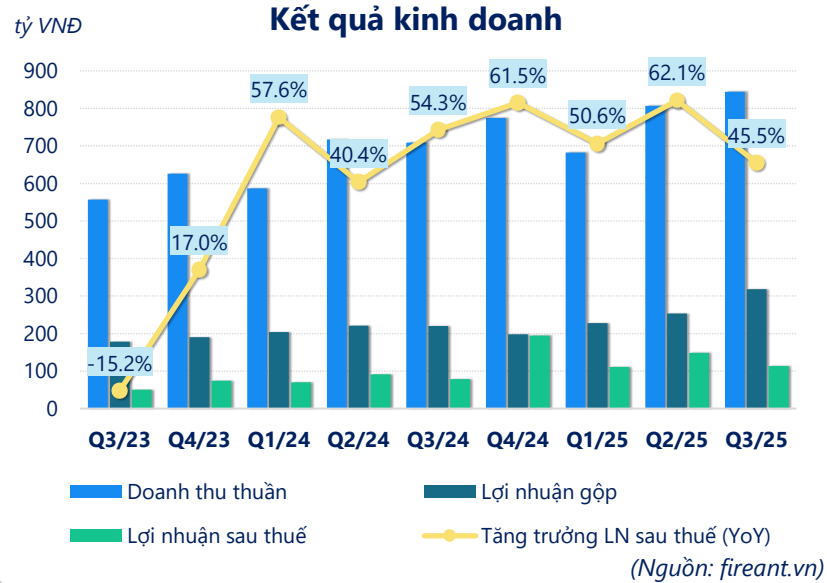


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,827
SL cổ phiếu LH		374,370,362
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,010,995
% sở hữu nước ngoài		3.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,044
P/E		24.8
EPS		1,190

	YTD	1T	3T	6T
VSC	137.6%	-8.1%	73.5%	114.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,326	7,795	45.3%
Tài sản ngắn hạn	5,506	1,812	204%
Tiền và tương đương tiền	793	547	45.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,412	806	199%
Phải thu ngắn hạn	2,188	355	517%
Hàng tồn kho	50.4	47.5	6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	62.0	56.2	10.3%
Tài sản dài hạn	5,820	5,984	-2.7%
Phải thu dài hạn	3.65	3.62	0.8%
Tài sản cố định	3,514	3,611	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.70	0.40	76.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	764	759	0.7%
Tài sản dài hạn khác	1,123	1,159	-3.1%
Lợi thế thương mại	415	450	-7.8%
Nợ phải trả	5,417	2,899	86.8%
Nợ ngắn hạn	2,299	715	222%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,759	300	487%
Phải trả người bán ngắn hạn	98.9	108	-8.2%
Nợ dài hạn	3,118	2,184	42.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,604	1,650	57.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,909	4,896	20.7%
Vốn chủ sở hữu	5,909	4,896	20.7%
Vốn điều lệ	3,744	2,868	30.5%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	709	775	682	807	844
Giá vốn hàng bán	489	577	455	553	526
Lợi nhuận gộp	220	198	228	254	318
Doanh thu HĐTC	14.9	220	19.5	81.4	63.4
Chi phí TC	31.7	90.6	23.6	58.1	103
Chi phí lãi vay	30.5	40.4	35.8	50.0	87.6
LN trong công ty LKLD	-1.03	7.55	0	-1.27	0
Chi phí bán hàng	46.9	44.5	43.5	52.8	80.8
Chi phí QLDN	49.3	56.6	56.3	55.2	53.4
LN thuần từ HĐKD	106	234	124	168	145
Lợi nhuận khác	-2.98	-15.6	11.4	9.35	-1.45
LN trước thuế	103	218	135	177	144
Lợi nhuận sau thuế	78.2	195	111	149	113
LNST của CĐ cty mẹ	53.9	169	80.6	116	79.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2,525	-2,622	65.0	-510	-1,420
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2,378	2,038	-20.7	-151	115
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-200	527	292	451	1,425
Tiền đầu kỳ	656	601	547	883	677
Lưu chuyển tiền thuần	-52.2	-56.5	337	-210	120
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.67	2.50	0.24	3.67	-3.67
Tiền cuối kỳ	601	547	883	677	793

(Nguồn: fireant.vn)